

LỊCH SỬ CHỐNG NGOẠI XÂM - CƠ SỞ HÌNH THÀNH TRIẾT LÝ YÊU NƯỚC VIỆT NAM

Đồng Thị Tuyền - Trường Đại học Thành Tây

Ngày nhận bài: 25/05/2018; ngày sửa chữa: 09/06/2018; ngày duyệt đăng: 18/06/2018.

Abstract: The history of fighting against foreign invasion of our nation is one of the foundations for Vietnam's patriotic philosophy. Clearly, from the birth of the national history, Vietnamese people were soon practiced in the sense of building and protecting the country and this sense has been maintained up to now. The article reconstructs the picture in the struggle against foreign invasion through the ages: The beginning of forming and defending the country; The period of more than a thousand years against the northern invaders (179 BC-10th century); The period of resistance to reserve of national independence (10th - 19th centuries); The period of struggle for national liberation and defense of the early modern and modern (1858 - 1975). In each period, the author analyzes the interactions between the objective demands of foreign invasions and the perceptions and actions of the leadership and the people in the struggle for national liberation and protection.

Keywords: Foreign invasion, fighting, national foundation, defense, national independence, people.

1. Mở đầu

Triết lý yêu nước Việt Nam là những tri thức lý luận chung nhất được đúc kết trong quá trình hình thành và phát triển đất nước. Đó là những tình cảm sâu sắc, là thái độ đúng đắn của con người đối với quê hương đất nước; là những quan điểm nhất quán về lòng trung thành, ý chí xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhằm hướng tới lợi ích dân tộc, lợi ích nhân dân. Triết lý yêu nước được hình thành không chỉ là một tình cảm tự nhiên, mà còn do chịu sự tác động của nhiều yếu tố khác nhau đến tiến trình đó. Ở Việt Nam, triết lý yêu nước đã được hình thành trước sự tác động của những đặc điểm điều kiện tự nhiên, trình độ KT-XH, văn hóa, tư tưởng, lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm để dựng nước và giữ nước. Trong bài viết này, tác giả làm rõ nội dung lịch sử đấu tranh chống giặc ngoại xâm để giải phóng dân tộc và gìn giữ Tổ quốc.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thời kì bắt đầu dựng nước và giữ nước

Việt Nam có một vị trí rất quan trọng trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, văn hóa, kinh tế trong mối quan hệ giữa các quốc gia trên lục địa châu Á nói chung, khu vực Đông Nam Á nói riêng; là một địa bàn chiến lược trọng yếu nên qua các thời đại bọn xâm lược đều muốn xâm chiếm để thực hiện mưu đồ của chúng. Bởi thế, ngay từ buổi bình minh lịch sử dân tộc, nhu cầu chống ngoại xâm đã trở thành yếu tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển của xã hội Văn Lang. Con người Việt Nam vừa mới gắng sức vươn lên khỏi cuộc sống thiên nhiên đầy khắc nghiệt, liền sau đó phải đương đầu với nhiều

kẻ thù xâm lược như: “giặc Man”, “giặc Ân”, “giặc Hồ Tôn”, “giặc Hồ Xương”, “giặc Mũi Đò”, “giặc Thục”... Hiện thực khách quan đó là cái cốt lõi lịch sử của truyền thuyết Thánh Gióng được màu thần thoại phản ánh và ngợi ca tinh thần đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc ta thời bấy giờ. Chính vì vậy, dân tộc Việt Nam sớm được tôi luyện trong ý thức dựng nước và giữ nước. Đó là hai mặt cơ bản nhất trong nội dung đời sống xã hội của nhân dân ta. Cũng là những điều kiện khách quan khiến cho nước Văn Lang trình độ phát triển còn thấp nhưng đã sớm khắc phục được tình trạng rời rạc, lẻ tẻ, mâu thuẫn... dẫn đến làm nảy sinh trong nhân dân mầm móng ý thức dân tộc, ý thức ấy ngày càng phát triển với tiến trình lịch sử dân tộc.

Thời kì nước Âu Lạc, dân tộc ta phải đấu tranh chống lại quân Tần trong suốt 10 năm ròng. Quân Tần bị thất bại, buộc chúng phải rút lui về nước. Sự thất bại của quân xâm lược Tần đã cho thấy trình độ, khả năng của nhân dân ta thời đó đủ sức đối đầu với sự xâm lược có quy mô lớn hơn. Đó là sức mạnh của hàng nghìn năm, người Việt đã tạo dựng cho mình một cuộc sống nề nếp, một xã hội trật tự, nền văn hóa độc đáo. Đó là tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng, ý thức dân tộc trong sự nghiệp dựng và giữ nước không ngừng củng cố và phát triển. Nhưng rồi, cuộc kháng chiến bị thất bại bởi sự chủ quan, mất cảnh giác của An Dương Vương nên đã bị mắc mưu của Triệu Đà. Từ năm 179 TCN, nước ta đã rơi vào thảm họa mất nước, bị phong kiến phương Bắc đô hộ trong suốt hơn một nghìn năm. Đây là thời kì đầy thử thách cam go đối với sự sống còn của dân tộc. Nhưng chính trong khoảng

thời gian lâu dài đó nhân dân ta với ý chí độc lập đã nêu cao tinh thần quật cường, bất khuất, vượt lên khó khăn, bèn bị đấu tranh giữ gìn và phát huy tinh hoa văn hóa dân tộc, quyết giành lại được độc lập dân tộc.

2.2. Thời kì hơn nghìn năm chống Bắc thuộc

Sang đầu công nguyên, cùng với rất nhiều cuộc đấu tranh chống lại chính quyền ở địa phương nhằm vào chống sưu cao, thuế nặng, chống lại sự hà khắc của các quan cai trị..., còn có hàng chục cuộc đấu tranh hướng tới mục đích đánh đổ chính quyền đô hộ.

Cuộc đấu tranh mang tính chất dân tộc rõ nhất thời kì này là cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng vào năm 40. Cuộc khởi nghĩa nhanh chóng giành được thắng lợi. Nền độc lập dân tộc lại được phục hồi. Tuy nền độc lập tồn tại ngắn ngủi (3 năm), nhưng tiếng vang của cuộc khởi nghĩa đời đời bất diệt. Nó là tia lửa nhen nhóm lên tinh thần yêu nước của nhân dân Việt Nam, ý chí quật cường không bao giờ lay chuyển sự quyết tâm giành lại nền độc lập dân tộc; nó hun đúc tinh thần bất khuất không chịu khuất phục bất cứ kẻ thù nào dù kẻ địch mạnh đến đâu; nó là tấm gương ngời sáng cho ý chí chiến đấu vươn lên của dân tộc; nó khai phá, mở đường, định hướng cho các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc tiếp theo với quyết tâm: bất kì trong hoàn cảnh nào, nhân dân ta quyết giành thắng lợi hoàn toàn.

Chính sách áp bức, bóc lột hà khắc của kẻ thù về mặt khách quan có ảnh hưởng nhất định đến sự phát triển về vật chất và tinh thần của nhân dân ta. Tương quan lực lượng giữa ta và địch còn khá chênh lệch. Kẻ thù còn mạnh hơn ta về nhiều mặt. Nhưng không vì điều kiện đó mà làm lung lay ý chí, tự lực, tự cường của dân tộc. Trái lại, càng hun đúc, tôi luyện ý chí đấu tranh với kẻ thù xâm lược. Ý chí đó được thể hiện ở những cuộc khởi nghĩa liên tiếp ở các thế kỉ tiếp theo.

Sang đầu thế kỉ II, phong trào khởi nghĩa lại dần dần khôi phục, phát triển đều khắp, có tính liên tục và phổ biến. Từ những cuộc khởi nghĩa nhỏ bé, lẻ tẻ đã phát triển thành cuộc khởi nghĩa lớn. Tiêu biểu cho phong trào khởi nghĩa của nhân dân ta ở thế kỉ II - III là cuộc khởi nghĩa của Bà Triệu năm 248. Do lực lượng quá chênh lệch nên cuộc khởi nghĩa nhanh chóng bị tiêu diệt. Cuộc khởi nghĩa tuy bị dập tắt nhưng quân thù không thể làm lay chuyển được con tim, khối óc của nhân dân ta. Vì vậy, sau cuộc khởi nghĩa Bà Triệu, phong trào yêu nước của nhân dân ta vẫn kiên nhẫn, bền bỉ tiếp diễn lúc công khai, lúc lặn lội trong suốt thời kì thống trị của phong kiến phương Bắc.

Thật vậy, các cuộc khởi nghĩa nổ ra ngày càng nhiều với quy mô và kết quả ngày càng lớn. Đó là cuộc khởi nghĩa có quy mô lớn nhất và thắng lợi lớn nhất của Lý Bí năm 542, đánh tan quân Lương, vào năm 544, Lý Bí

tuyên bố dựng nước, đặt quốc hiệu là Vạn Xuân, lên ngôi hoàng đế, tự xưng là Nam Đế; Kháng chiến chống nhà Tùy của Lý Phật Tử năm 602; dưới thời thuộc Đường có các cuộc khởi nghĩa của Lý Tự Tiên, Đinh Kiến năm 687; của Mai Thúc Loan (Mai Hắc Đế) năm 722, của Phùng Hưng (Bồ Cái Đại Vương) năm 766-791, của Dương Thanh (815-820)... Đặc biệt, Khúc Thừa Dụ đã tập hợp dân chúng nổi dậy lật đổ chính quyền đô hộ của nhà Đường năm 905. Đến đây cuộc đấu tranh giành độc lập của nước ta về cơ bản đã thành công. Tiếp đến Dương Đình Nghệ đã đánh tan quân Nam Hán năm 931 và tiếp tục công cuộc tự chủ của họ Khúc, củng cố chính quyền phát triển lực lượng. Cuối cùng là chiến thắng oanh liệt của quân và dân ta trên sông Bạch Đằng năm 938 dưới sự chỉ huy của người anh hùng dân tộc Ngô Quyền. Đây là mốc son chói lọi của lịch sử Việt Nam. Nó kết thúc hoàn toàn thời kì thống trị kéo dài hơn 1000 năm của phong kiến phương Bắc. Dân tộc ta đã giành được quyền làm chủ đất nước. Mở ra thời kì mới - thời kì độc lập lâu dài của dân tộc.

Những thắng lợi trên đã minh chứng cho sự trưởng thành, phát triển của ý thức dân tộc, của tinh thần quyết chiến đấu vì độc lập tự do của dân tộc.

Lịch sử đã kiểm chứng trong hơn nghìn năm Bắc thuộc, nhân dân ta mất nước nhưng làng không mất. Làng vẫn giữ vững, phục hồi, tái lập trên khắp đất nước. Cái gì đã làm cho làng có sức mạnh bền vững và dẻo dai như thế, đó là văn hóa làng. Bám vào làng xã, người Việt đã đoàn kết đùm bọc lấy nhau đấu tranh có hiệu quả chống lại chính sách nô dịch và đồng hóa của người Hán. Trong làng xã nhân dân ta vẫn giữ được sự ngưng kết đậm đặc những biểu hiện trong lối sống, phong tục tập quán, kho tàng văn hóa dân gian, tín ngưỡng - tôn giáo..., không chỉ bảo lưu những giá trị văn hóa truyền thống, mà còn tiếp thu có chọn lọc những yếu tố văn hóa ngoại nhập phù hợp với cuộc sống của mình và liên kết nhau trong cuộc đấu tranh giành lại nền độc lập dân tộc. Chính quyền đô hộ không với tới được vào cuộc sống làng xã. Chính vì vậy, dựa vào tổ chức làng xã, nhân dân ta vẫn duy trì và phát triển sản xuất. Những thành quả trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa làm tăng thêm sức mạnh góp phần tích cực trong cuộc đấu tranh đánh đổ ách thống trị của chính quyền đô hộ giành lại chủ quyền dân tộc. Chính điều đó thể hiện sức sinh tồn của dân tộc, là một trong những cơ sở quan trọng hình thành triết lí yêu nước Việt Nam.

2.3. Các cuộc kháng chiến bảo vệ nền độc lập dân tộc từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX

Từ đầu thế kỉ thứ X đến thế kỉ XIX là kỉ nguyên phát triển của quốc gia phong kiến độc lập và lớn lên nhanh chóng của dân tộc Việt Nam - thời kì xây dựng và bảo vệ

nền độc lập dân tộc. Dưới các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê nhà nước trung ương tập quyền được xác lập. Đinh Bộ Lĩnh sau khi dẹp “loạn 12 sứ quân” đã thống nhất đất nước, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt. Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống lần thứ nhất năm 981, đất nước bước vào thời kì phục hưng và phát triển dưới các vương triều Lý, Trần, Hồ và Lê Sơ, với tên nước là Đại Việt. Ngay từ thời Lý, công cuộc xây dựng đất nước được tiến hành trên phạm vi quy mô lớn. Nước Đại Việt dưới các vương triều nêu trên là một trong những thời kì phát triển rực rỡ nhất của đất nước và là một trong những quốc gia thịnh vượng ở châu Á thời bấy giờ. Vì thế được lịch sử mệnh danh là Kỉ nguyên văn minh Đại Việt.

Trên bước đường xây dựng quốc gia vững mạnh thì nạn ngoại xâm vẫn thường xuyên đe dọa tới nền độc lập dân tộc. Nền việc xây dựng đất nước luôn phải gắn liền với bảo vệ đất nước. Thật vậy, từ thế kỉ X đến thế kỉ XV không có thế kỉ nào dân tộc ta không phải chống giặc ngoại xâm. Đó là hai lần chống quân Tống dưới thời Tiền Lê và thời Lí, ba lần kháng chiến chống Mông - Nguyên thời Trần; đó là cuộc kháng chiến chống quân Minh dưới triều Hồ; là cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi và Nguyễn Trãi lãnh đạo đánh đổ ách thống trị của nhà Minh, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc. Kỉ nguyên Đại Việt đã trải qua nhiều bước thăng trầm bên cạnh những chiến công chói lọi, có lúc thất bại tạm thời, nhưng khi có giặc ngoại xâm thì nhân dân ta đều đồng lòng, kiên quyết đứng lên đấu tranh để bảo vệ nền độc lập dân tộc. Kỉ nguyên Đại Việt đã để lại những thành tựu rực rỡ trong xây dựng và bảo vệ đất nước. Đó là những trang sử đẹp mãi mãi khắc sâu trong tâm khảm của nhân dân ta.

Từ thế kỉ XVI, nguy cơ ngoại xâm đã bị đẩy lùi về phía sau, khi quyền thống trị đã được củng cố, nhưng do hạn chế về giai cấp, chế độ phong kiến quan liêu đã bộc lộ sự yếu kém, lạc hậu và bắt đầu suy thoái. Đại Việt lâm vào tình trạng nội chiến Lê-Mạc (1543-1592), tiếp đến Trịnh - Nguyễn (1627-1672). Chiến tranh đã làm mờ nhạt ý thức của nhân dân đối với đất nước. Chiến tranh chấm dứt, đất nước lại lâm vào tình trạng biệt lập Đàng Trong, Đàng Ngoài. Thực trạng đó, đã đưa đến bao đời thay trong ý thức về đất nước của nhân dân ta, đặc biệt đối với nông dân nghèo; phá vỡ cố kết cộng đồng trong suốt hai thế kỉ. Hậu quả chiến tranh và chia cắt đất nước đã kìm hãm sự phát triển đất nước và gây tai hại lớn đến đời sống nhân dân. Bởi thế, dẫn đến mâu thuẫn xã hội ngày càng gay gắt, tất yếu phong trào nông dân sẽ bùng nổ. Phong trào nông dân Tây Sơn giữa thế kỉ XVIII không nằm ngoài sự đòi hỏi tất yếu đó. Dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Huệ, từ cuộc khởi nghĩa nông dân, phong trào Tây Sơn đã phát triển thành một phong trào dân tộc rộng lớn, dẫn đến kết quả chấm dứt tình trạng chia cắt lâu dài, thiết lập lại nền thống nhất đất nước và đã tiến hành

thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến chống quân Xiêm ở phía Nam và quân Thanh ở phía Bắc.

2.4. Các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc thời cận, hiện đại (1858-1975)

Khác với các triều đại trước thường được thiết lập trên cơ sở chiến thắng của những cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, hoặc sau khi hoàn thành những nhiệm vụ chống ngoại xâm, bảo vệ độc lập, củng cố đất nước; ngược lại, triều Nguyễn - vương triều cuối cùng lại được dựng lên bằng một cuộc nội chiến mà kẻ chiến thắng đã dựa một phần vào thế lực bên ngoài. Điều đó về khách quan triều Nguyễn đã đi ngược lại nguyện vọng và quyền lợi của dân tộc.

Với bản chất phản động của triều Nguyễn, khi thực dân Pháp xâm lược nước ta năm 1858, triều đình nhà Nguyễn bạc nhược không kiên trì lãnh đạo nhân dân chiến đấu đến cùng mà từng bước đầu hàng quân xâm lược. Với việc kí kết *Hiệp ước Pa-tơ-nôt* (1884), đến đây chế độ phong kiến Việt Nam với ý nghĩa là một vương triều độc lập đã sụp đổ. Việt Nam từ một nước phong kiến độc lập đã trở thành nước thuộc địa nửa phong kiến.

Mặc dù triều đình nhà Nguyễn đã đầu hàng đế quốc, nhưng với truyền thống yêu nước, nhân dân ta không chịu khuất phục trước sự xâm lược của thực dân Pháp, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc theo các khuynh hướng phong kiến, tư sản diễn ra rất mạnh mẽ. Những phong trào tiêu biểu cuối thế kỉ XIX như phong trào Cần Vương, cuộc khởi nghĩa Yên Thế đều không thành công. Điều đó chứng tỏ hệ tư tưởng phong kiến không đủ điều kiện để lãnh đạo phong trào thắng lợi.

Sang đầu thế kỉ XX, phong trào yêu nước chịu ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ tư sản diễn ra sôi nổi như: phong trào Đông Du, phong trào Duy Tân. Ngoài ra, thời kì này còn có nhiều phong trào đấu tranh khác: phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, phong trào “tẩy chay khách trú”, phong trào chống độc quyền xuất nhập khẩu ở cảng Sài Gòn...

Sự thất bại của các phong trào yêu nước chống Pháp cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX cho thấy con đường cứu nước theo hệ tư tưởng phong kiến và hệ tư tưởng tư sản đã bế tắc. Cách mạng Việt Nam đang lâm vào tình trạng khủng hoảng về đường lối cứu nước. Chính trong hoàn cảnh ấy, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã ra đi tìm đường cứu nước và đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin tìm thấy con đường cứu nước mới - con đường cách mạng vô sản. Sau khi trở thành người chiến sĩ cộng sản, Người đã tích cực chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ngày 3-2-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trải qua 15 năm đấu tranh, nhân dân ta đã giành được thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng

hòa, nước Việt Nam đã trở thành nước độc lập, tự do. Thắng lợi đó, là thắng lợi của tinh thần, ý chí, trí tuệ của con người Việt Nam, của truyền thống yêu nước và văn hóa Việt Nam. Nó kết tinh những truyền thống đấu tranh kiên cường bất khuất của dân tộc có lịch sử hàng ngàn năm chống ngoại xâm. Truyền thống yêu nước đó được nâng lên tầm cao mới trong thời đại Hồ Chí Minh.

Nền độc lập của đất nước chưa được bao lâu, thực dân Pháp quay lại chiếm nước ta một lần nữa. Tổ quốc lại lâm nguy! Với tinh thần “quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh” phát huy truyền thống yêu nước, cả nước lại nhất tề đứng lên bước vào cuộc kháng chiến bảo vệ nền độc lập dân tộc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trải qua 9 năm kháng chiến đầy hi sinh, gian khổ, nhưng với tinh thần dũng cảm, ý chí kiên cường bất khuất, nhân dân ta đã giành được thắng lợi.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là thắng lợi của tinh thần yêu nước; của khối đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; của ý chí “Thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ” [1; tr 480].

Trước thử thách lớn lao đối với cả dân tộc, lại phải đương đầu với kẻ thù mới - đế quốc Mỹ xâm lược, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân ta lại bước vào cuộc kháng chiến vô cùng gay go quyết liệt. Với ý chí “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, trải qua 21 năm chiến đấu, vượt qua muôn vàn khó khăn thử thách, nhân dân ta đã thu được thắng lợi hoàn toàn; đất nước hòa bình, độc lập, thống nhất, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta lại ghi thêm những trang sử mới, minh chứng sức mạnh của lòng yêu nước, khối đại đoàn kết dân tộc, chung sức, chung lòng, quyết chiến, quyết thắng trong hai cuộc chiến tranh suốt 30 năm ròng vì độc lập thống nhất Tổ quốc. Chưa bao giờ nhân dân ta, dân tộc ta đoàn kết thống nhất và tạo nên sức mạnh to lớn như trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của Việt Nam, hầu như thời kì nào, triều đại nào nhân dân ta cũng đều phải đứng lên đánh giặc giữ nước. Hiếm có một dân tộc nào trên thế giới buộc phải tiến hành nhiều cuộc chiến tranh yêu nước và khởi nghĩa chống ngoại xâm như nước ta. Kể từ cuộc kháng chiến chống quân Tần thế kỉ III TCN đến cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ thế kỉ XX, trong thời gian 22 thế kỉ thì có tới 12 thế kỉ nhân dân ta phải tiến hành hàng trăm cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng, hàng chục cuộc chiến tranh giữ nước. Điều khác so với các nước trên thế giới là độ dài thời gian, tần số xuất hiện, số lượng các cuộc khởi nghĩa. Hơn nữa, dân tộc ta đối đầu chống ngoại xâm trong điều kiện kẻ thù dân tộc là những đế chế đang trong thời kì cực thịnh, có kẻ thù đang tung hoành trên các

lục địa Á - Âu và đang gây ra biết bao đau thương, tàn phá nhiều dân tộc như đế quốc Mông - Nguyên ở thế kỉ XIII, hay đế quốc Mĩ đầu sỏ ở thế kỉ XX...; trong sự so sánh tương quan lực lượng khá chênh lệch như: “Nhà Tống trong cuộc xâm lược nước ta lần thứ hai (1075-1077) đã huy động hơn 30 vạn quân các loại, khi ấy số dân Đại Việt có khoảng 4 triệu người, quân thường trực nhà Lý có chừng 5-7 vạn người. Đế chế Nguyên trong hai cuộc xâm chiếm Đại Việt 1285, 1288 đã huy động tới gần 1 triệu quân: cuộc xâm lược năm 1285 là 50 vạn quân, cuộc xâm lược năm 1288 trên 30 vạn quân. Khi đó quân thường trực nhà Trần lúc cao nhất chỉ có khoảng 30 vạn người. Cuối thế kỉ XVIII, nhà Thanh đã huy động tới 29 vạn quân, còn quân đội của Nguyễn Huệ có chừng 10 vạn” [2; tr 35-36].

Trong thế kỉ XX, nhân dân ta phải thực hiện hai cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ có vũ khí tối tân và mức độ tàn phá nặng nề. Như “trong kháng chiến chống thực dân Pháp, về vũ khí giữa ta và Pháp khá chênh lệch, tính đến tháng 3/1954, pháo binh địch có tới 594 khẩu, ta có 80 khẩu; máy bay địch 580 chiếc, ta không có; tàu chiến, địch có 391 chiếc, ta không có” [3; tr 487]. Trong chiến tranh xâm lược Việt Nam “chỉ tính trong năm 1972, Mĩ đã sử dụng tới 2710 chiếc máy bay chiến đấu chiến thuật và 476 chiếc máy bay B52. Ngoài ra còn có 740 chiếc của quân Ngụy Nam Việt Nam” [4; tr 509]. “Khối lượng bom của không quân, hải quân Mĩ ném thả trong chiến tranh xâm lược Việt Nam 1965-1972, đối với miền Bắc là 937300 tấn, miền Nam là 4.444.700 tấn, tổng cộng cả hai miền lên tới 5.382.000 tấn” [4; tr 541].

Chặng đường dài đấu tranh chống quân xâm lược nói trên là những trang sử vàng tô thắm lịch sử oai hùng của dân tộc. Trong từng thời kì, mỗi cuộc chiến tranh đều khắc sâu những dấu ấn riêng, đó là những bài học kinh nghiệm vô giá lưu truyền từ thế hệ này đến thế hệ khác. Ví như: Cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ hai, triều Lý đã biết chủ động tiến công địch trước. Cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên của triều Trần đã coi trọng, tập hợp khối đoàn kết cả nước, dựa vào dân để tiến hành chiến tranh nhân dân chống lại kẻ thù lớn mạnh, hung hãn nhất lúc bấy giờ. Nó trở thành kế sách giữ nước, như lời căn dặn vua Trần của Trần Quốc Tuấn trước lúc từ trần: “... Và lại, khoan thư sức dân để làm kế bèn gốc, sâu rễ, đó là thượng sách giữ nước” [5; tr 80]. Cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc thời Lê Lợi - Nguyễn Trãi từ khởi nghĩa địa phương phát triển thành chiến tranh giải phóng cả nước. Lê Lợi - Nguyễn Trãi đã biết tạo thế thông qua việc tổ chức xây dựng lực lượng, kết hợp nhiều hình thức đấu tranh, các lĩnh vực đấu tranh... Trong chiến tranh giữ nước chống quân xâm lược nhà Thanh, Quang Trung - Nguyễn Huệ đã để lại thế trận dừng mãnh, thần tốc, táo bạo, bất ngờ.

(Xem tiếp trang 226)

biểu diễn; phân tích những ưu, khuyết điểm của họ để rút kinh nghiệm cho bản thân mình. Một trong những điểm quan trọng là giao tiếp bằng mắt, điều đó sẽ đem lại sự kết nối về cảm xúc giữa người hát và người nghe. Thông qua đó, người hát cũng sẽ biết được tâm trạng của khán giả, có thể tác động để họ cùng hòa mình vào tác phẩm.

Phong cách tự tin, làm chủ sân khấu phải được rèn luyện thường xuyên. Yếu tố cần thiết để tạo nên sự tự tin đó là phải có sự chuẩn bị đầy đủ các kĩ năng biểu diễn, tạo bản lĩnh cho mình. Trên sân khấu, người ca sĩ có thể nhập vai, thoát khỏi đời sống thường nhật, kiểm soát được hành động diễn và đối diện với đám đông một cách tự tin, vững vàng. Luyện tập sẽ giúp cho SV khám phá khả năng thực sự của mình, giúp cho bản thân tự tin hơn, từ đó các em sẽ tạo được sự tin cậy từ khán giả cũng như tăng sự tự tin trong cho bản thân.

3. Kết luận

Nhận diện được một số điểm còn hạn chế trong dạy hát nhóm cho SV Trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội, việc bổ sung các ca khúc tập thể vào chương trình rất quan trọng, một mặt giúp cho tài liệu giảng dạy thêm phong phú, góp phần nâng cao chất lượng trong quá trình dạy học thanh nhạc; mặt khác sẽ giúp cho các em cảm nhận tốt hơn những giá trị văn hóa và tinh thần của cha ông để lại. Để phù hợp với dạy học trong thời kì mới, bên cạnh giờ học chính khóa, cần phải quan tâm đến các sinh hoạt ngoại khóa, đặc biệt là các giờ học nhóm, khai thác khả năng phối hợp dàn nhạc cho SV. Đó là một trong những yêu cầu cấp thiết, giúp các em sau khi ra trường có thể làm việc và cống hiến một cách tốt nhất cho nhu cầu hiện nay của xã hội.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Trung Kiên (2006). *Chương trình chuyên ngành thanh nhạc Đại học*. NXB Âm nhạc.
- [2] Hồ Mộ La (2008). *Phương pháp dạy thanh nhạc*. NXB Từ điển bách khoa.
- [3] Trần Ngọc Lan (2011). *Phương pháp hát tốt tiếng Việt trong nghệ thuật ca hát*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [4] Vũ Tự Lân - Lê Thế Hào (1998). *Phương pháp hát và chỉ huy dàn dựng hát tập thể*. NXB Giáo dục.
- [5] Lại Thế Luyện (2012). *Kĩ năng làm việc đồng đội*. NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
- [6] Ngô Thị Nam (1994). *Âm nhạc và phương pháp giáo dục âm nhạc*, tập I. NXB Hà Nội.
- [7] Tú Ngọc (chủ biên, 2000). *Âm nhạc mới Việt Nam: Tiến trình và thành tựu*. NXB Viện Âm nhạc.

LỊCH SỬ CHỐNG NGOẠI XÂM...

(Tiếp theo trang 158)

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ nói chung, chống đế quốc Mỹ nói riêng cũng đã để lại những dấu ấn đậm nét, những bài học kinh nghiệm quý báu, đó là: “Toàn dân đánh Mỹ, cả nước đánh Mỹ, đồng thời tiến hành hai chiến lược cách mạng nhằm mục tiêu chủ yếu giải phóng miền Nam; chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, tạo ra sức mạnh tổng hợp của chiến tranh; lựa chọn phương thức chiến tranh thích hợp; ba tầng mặt trận thống nhất chống Mỹ: ở trong nước, giữa ba nước Đông Dương và trên thế giới; không ngừng nâng cao sức chiến đấu và hiệu lực lãnh đạo của Đảng trong chiến tranh” [6; tr 331].

Những bài học trong kháng chiến chống giặc ngoại xâm của dân tộc vẫn còn giữ nguyên giá trị trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa ngày nay.

3. Kết luận

Triết lí yêu nước Việt Nam không phải là cái gì đó ngẫu nhiên. Sự hình thành và phát triển của triết lí đó là do sự tác động của những đặc điểm, điều kiện của Việt Nam. Lịch sử chống giặc ngoại xâm là một trong những cơ sở hình thành và phát triển triết lí đó. Trong quá trình dựng nước và giữ nước, triết lí yêu nước Việt Nam không ngừng phát triển. Nó rèn luyện tinh thần yêu nước, ý chí kiên cường bất khuất, tạo nên khí phách kiên cường, sẵn sàng chịu đựng mọi hy sinh gian khổ,... biến thành sức mạnh nội sinh trong mỗi con người Việt Nam từ thế hệ này đến thế hệ khác.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Bí thư Trung ương Đảng (1995). *Toàn tập (tập 1)*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [2] Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (2000). *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945- 1975: Thắng lợi và bài học*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [3] *Hậu phương chiến tranh nhân dân 1945-1975* (1997). NXB Quân đội nhân dân.
- [4] *Chiến tranh nhân dân đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ* (1982). NXB Quân đội nhân dân.
- [5] *Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, Đại Việt sử kí toàn thư* (1967) (tập 2: *Ngoại kí*; bản chữ Hán in đời Lê, quyển 5, quyển 2 bản dịch). NXB Khoa học xã hội.
- [6] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các Bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2001). *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [7] Lê Văn Hưu - Phan Phu Tiên - Ngô Sĩ Liên (1272 - 1697). *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản dịch). NXB Khoa học xã hội.